

LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN DBTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 18/08/2022

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		P5+TTC2+TD5	7:25	5+0+17	0+0+0		0+1+18	0+0+0	CHUYEN 2 ttc2-td5
2		RP1+RP3	7:25	2+20	0+0		2+12	0+0	
3		TD5+P4+PPD	7:25	9+13+0	0+0+0		2+19+0	0+0+0	chuyen 1 P4-ppd
4		BK6+TD5+RC4	9:25	4+17+0	0+0+0		0+14+0	0+0+0	CHUYEN 2 TD5-RC4
5		RP3+CLO+P8	9:25	17+5+0	0+0+0		8+6+6	0+0+0	
6		TD1+RP3	9:25	9+13	0+0		1+0	0+0	
7		CLI+PPD+P9	11:25	3+16+3	0+0+0		0+16+3	0+0+0	
8		RP3+GTCL	11:25	22+0	0+0		2+2	0+0	

TTDBSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/2 NGUOI TTC2 CHUYEN SANG TD5 SAU DI RC4 2/ 1 nguoi đi RP3 về chuyển cuối



FLIGHT MANIFEST



DATE: 18/08/2022	TO: P5 - TTC2 - TD5	AIRCRAFT: 428	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: TUYỀN - MTHAO -	ETA: 09:10
xanh-1		QTrưởng	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TẠ TRUNG DŨNG	P5	86	1	7		92	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN THỂ HỒI	P5	72	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
3	TRẦN MẠNH QUÊ	P5	85	1	5	40	75	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN ANH TUÂN	P5	08-09	2	18		56	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN DUY QUÝ	P5	84	1	5		70	PSV	Vietnamese
6	VŨ TRỌNG HẠCH	TD5	85-86	2	10		65	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYỄN DUY TÂM	TD5	03	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN BÌNH	TD5	92	1	5		67	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYỄN XUÂN THANH	TD5	98	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
10	TRỊNH ANH TRƯỞNG	TD5	02	1	3	40	70	KHOAN	Vietnamese
11	ĐỖ THANH HẢI	TD5	90	1	5		95	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN VINH DUY	TD5	04	1	3		68	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN NGỌC CƯỜNG	TD5	91	1	5		64	KHOAN	Vietnamese
14	VŨ NGUYỄN KHANG	TD5	96	1	5		82	KHOAN	Vietnamese
15	TRỊNH HOÀNG KHÁNH	TD5	07	1	5		90	KHOAN	Vietnamese
16	LE VAN NGUYEN	TD5	84	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
17	ĐẶNG MINH KHAI	TD5	97	1	5		85	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYỄN DUY KIỆM	TD5	88	1	10		70	D-HANH	Vietnamese
19	NGUYỄN ĐÌNH HUYNH	TD5	06	1	5		82	KHOAN	Vietnamese
20	NGUYỄN HOÀNH VŨ	TD5	94-95	2	12		75	KHOAN	Vietnamese
21	HOÀNG NGỌC DANH	TD5	05	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
22	LÊ TIẾN DŨNG	TD5	93	1	4		72	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P5	5	6	40	358	40	0		CHUYỂN 02 PAX TỪ TTC2 SANG TD5
2	TTC2	0	0	0	0	47	1	2	
3	TD5	17	19	97	1.250	40	18		
TOTAL		22	25	137	1.608	127	19		
WEIGHT KG				137	1.608	127			

GRAND TOAL: 1.872 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 18/08/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	TO: RP1 - RP3	CREW: HUNG - XTruong - Huy	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HOANG VAN SUU	RP1	74	1	5	50	74	KH-THAC	Vietnamese
2	LE VAN NHAN	RP1	75-76	2	18		71	XAYLAP	Vietnamese
3	NGUYEN THANH TRUNG	RP3	35	1	6	30	74	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN TRONG HAI	RP3	29	1	6		82	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN HIEN	RP3	33	1	3		81	KH-THAC	Vietnamese
6	VO THANH LAM	RP3	36	1	7		61	KH-THAC	Vietnamese
7	TRAN VAN TIEN	RP3	37	1	4		76	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN TRI CHUNG	RP3	32	1	3		55	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN VAN CONG	RP3					80	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN HONG QUYET	RP3	42	1	10	51	65	CODIEN	Vietnamese
11	LAM NHUT MINH	RP3	43	1	15		65	CODIEN	Vietnamese
12	KHARITONOV YURY	RP3	26	1	5		77	KHI	Russian
13	PHAM NGOC HUNG	RP3	30	1	8		81	KHI	Vietnamese
14	HA VAN THUY	RP3	23-24	2	15		72	KHI	Vietnamese
15	PHAM VAN KY	RP3	25	1	5		67	KHI	Vietnamese
16	NGUYEN TRONG TUAN	RP3					89	KHI	Vietnamese
17	HO VAN LUONG	RP3	38-39	2	10		64	KHI	Vietnamese
18	HOANG VAN HAI	RP3	22	1	8		58	KHI	Vietnamese
19	VO DON LONG	RP3	34	1	7		75	KHI	Vietnamese
20	NGUYEN QUANG NAM	RP3	27	1	4		65	KHI	Vietnamese
21	PHAM QUOC KHANH	RP3	31	1	5		80	KHI	Vietnamese
22	LAM TIEN PHI	RP3	28	1	10		82	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

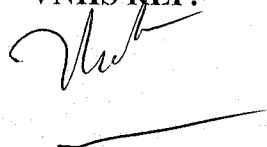
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP1	2	3	23	145	50	2		
2	RP3	20	20	131	1.449	81	12		
TOTAL		22	23	154	1.594	131	14		
WEIGHT KG				154	1.594	131			

GRAND TOAL: 1.879 KGS

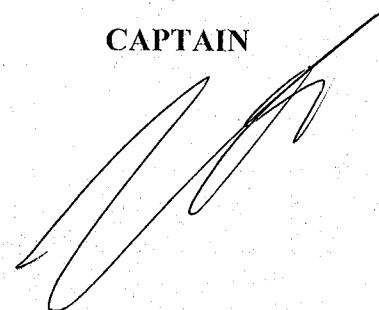
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 18/08/2022	TO: TD5 - P4 - PPD	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:40
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: Phong - N.ANH - Vũ	ETA: 09:20
VANG-1			

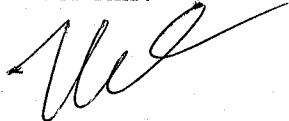
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ HUY TIÊN HAI	TD5	33	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN TUÂN	TD5	35	1	5		55	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN NGÀ	TD5	28	1	3		60	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYỄN MẠNH THU	TD5	36	1	4		70	KHOAN	Vietnamese
5	ĐẶNG VĂN HƠN	TD5	30-31	2	10		86	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYỄN XUÂN DÔNG	TD5	37	1	12		64	KHOAN	Vietnamese
7	ĐÀO QUANG MINH	TD5	29	1	4		70	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYỄN THANH HAI	TD5	34	1	15		84	KH-THAC	Vietnamese
9	BUI VĂN ANH	TD5	32	1	4		82	KH-THAC	Vietnamese
10	ZAGUDAIEV VITALI	P4	79	1	7		77	KHI	Russian
11	NGUYỄN VĂN NĂM	P4					60	KHI	Vietnamese
12	NGUYỄN HỒNG PHÚC	P4	33	1	3		75	KHI	Vietnamese
13	LÊ VĂN HOÀN	P4	29	1	4		70	KHI	Vietnamese
14	LÊ VĂN MẠNH	P4	30	1	5		57	KHI	Vietnamese
15	NGUYỄN HỮU LUẬN	P4	38	1	5		75	KHI	Vietnamese
16	TRẦN VĂN PHÚC	P4	35	1	5		70	KHI	Vietnamese
17	PHẠM QUỐC DUY	P4	32	1	4		61	KHI	Vietnamese
18	VLASOV A. M.	P4	80	1	7		88	KH-THAC	Russian
19	VŨ ĐÌNH CƯỜNG	P4	31	1	5		76	KHI	Vietnamese
20	NGUYỄN MINH ĐỨC	P4	36-37	2	8		86	KHI	Vietnamese
21	DƯƠNG ĐÌNH HIẾN	P4	34	1	5		65	KHI	Vietnamese
22	LÊ QUANG VINH	P4	81	1	7		70	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

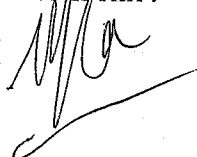
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD5	9	10	62	641	0	2		CHUYEN 01 PAX TU P4 - PPD
2	P4	13	13	65	930	0	19		
3	PPD	0	0	0	0	60	1		
TOTAL		22	23	127	1.571	60	22		
WEIGHT KG				127	1.571	60			

GRAND TOAL: 1.758 KGS

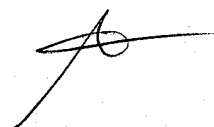
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 18/08/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 428	ETD: 09:30
FLIGHT: 4	TO: BK6 - TD5 - RC4	CREW: TUYỀN - MTHAO - QTrưởng	ETA: 11:10
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	THÂN HỮU TRƯỜNG	BK6	55	1	5		80	CODIEN	Vietnamese
2	LÊ MINH SỸ	BK6	50	1	8	130	75	CODIEN	Vietnamese
3	PHẠM TIẾN CUONG	BK6	63-64	2	18	20	70	CODIEN	Vietnamese
4	NGUYỄN ĐÌNH KHANG	BK6	49	1	8		48	CODIEN	Vietnamese
5	VŨ VĂN GIANG	TD5	76	1	8		78	KH-THAC	Vietnamese
6	PHẠM TRẦN TUẤN AN	TD5	75	1	10	85	82	KH-THAC	Vietnamese
7	ĐẶNG ĐỨC HÀ	TD5					72	KH-THAC	Vietnamese
8	TRẦN TUẤN ANH	TD5	74	1	12		95	KH-THAC	Vietnamese
9	VŨ NGỌC TỰ	TD5	77	1	10		75	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN QUỐC KHÔI	TD5	78	1	15		75	KH-THAC	Vietnamese
11	LÊ HỒNG LINH	TD5	73	1	10		82	KH-THAC	Vietnamese
12	TRẦN DUY KHANH	TD5	71-72	2	15		70	KH-THAC	Vietnamese
13	LÊ MẠNH HÙNG	TD5					75	ANTOAN	Vietnamese
14	ĐỖ TIẾN DŨNG	TD5	19	1	5		58	DVL	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN LINH	TD5	20	1	10		64	DVL	Vietnamese
16	NGUYỄN HỮU HÀ	TD5	23-24	2	18		70	DVL	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN SƠN	TD5	26-27	2	18		70	YTE	Vietnamese
18	LÊ THANH CHÂU	TD5	22	1	7		75	PSV	Vietnamese
19	VŨ ĐẠI ĐÌNH	TD5	25	1	7		65	PSV	Vietnamese
20	NGUYỄN ANH TUẤN	TD5	21	1	6		63	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK6	4	5	39	273	150	0		CHUYEN 2 PAX TD5-RC4 THAO 1 GHE DOI CHO HANG
2	TD5	16	17	151	1.169	85	14	+ 2	
3	RC4	0	0	0	0	3	0		
TOTAL		20	22	190	1.442	238	14		
WEIGHT KG				190	1.442	238			

GRAND TOAL: 1.870 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 18/08/2022	TO: RP3 - CLO - P8	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:35
FLIGHT: 5	FROM: VT	CREW: HUNG - XTruong - Huy	ETA: 11:15
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐANG HUY KHANH	RP3	68	1	7		80	KHI	Vietnamese
2	NGUYEN NGOC ANH	RP3	55	1	5		70	KHI	Vietnamese
3	PHAM TRUNG DUNG	RP3	64-65	2	8		75	KHI	Vietnamese
4	VU NGOC TUAN	RP3	57	1	5		82	KHI	Vietnamese
5	LE THANH HAI	RP3	63	1	14		65	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐANG CONG DANH	RP3	50	1	9		72	CODIEN	Vietnamese
7	NGUYEN DINH PHUONG	RP3	51	1	15		75	CODIEN	Vietnamese
8	PHAM HUYNH CUONG	RP3	56	1	18	41	82	CODIEN	Vietnamese
9	HOANG DUC HAI	RP3	53	1	10		65	CODIEN	Vietnamese
10	TRAN MINH TUNG	RP3	48,90	2	14		76	CODIEN	Vietnamese
11	VU MANH DIEP	RP3	89	1	7		75	CODIEN	Vietnamese
12	HOANG HUU TRONG	RP3	49	1	9		70	CODIEN	Vietnamese
13	NGUYEN TRI PHUOC	RP3	52	1	10		70	CODIEN	Vietnamese
14	HO CHIEN THANG	RP3	46	1	8		60	CODIEN	Vietnamese
15	NGUYEN QUOC BIEU	RP3	54	1	10		66	CODIEN	Vietnamese
16	NGUYEN TRUNG PHONG	RP3	47	1	10		68	CODIEN	Vietnamese
17	NGUYEN VAN DIEP	RP3	69,71	2	20	33	60	KHI	Vietnamese
18	VUONG KIEN QUOC	CLO	93	1	10		79	DVL	Vietnamese
19	NGUYEN NGOC BAO	CLO	94-95	2	20		80	DVL	Vietnamese
20	NGUYEN HOANG	CLO	91	1	12		80	DVL	Vietnamese
21	NHAM DUC TUAN	CLO	02,96	2	14		71	DVL	Vietnamese
22	HOANG DANG THIEN	CLO	92	1	20		70	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	17	20	179	1.211	74	8		
2	CLO	5	7	76	380	0	6		
3	P8	0	0	0	0	0	6		
TOTAL		22	27	255	1.591	74	20		
WEIGHT KG				255	1.591	74			

GRAND TOAL: 1.920 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 18/08/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:40
FLIGHT: 6	TO: TD1 - RP3	CREW: Phong - N.ANH - Vũ	ETA: 11:20
VANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN VĂN LUẬN	TD1	30-31	2	14		70	DATAWIS	Vietnamese
2	PHẠM HUY THƯƠNG	TD1	700	1	10		86	DATAWIS	Vietnamese
3	ĐÀO VĂN DUNG	TD1	99	1	10		80	DATAWIS	Vietnamese
4	LÔ XUÂN PHÚ	TD1	32-33	2	17		75	DATAWIS	Vietnamese
5	TRƯƠNG QUYẾT THẮNG	TD1	35	1	14		75	KH-THAC	Vietnamese
6	BELYAEV	TD1	34	1	14		80	KH-THAC	Russian
7	LẠI ANH TUẤN	TD1	36-37	2	15		97	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN THANH TÂM	TD1	38	1	15		75	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN ĐỨC HOÀNG HAI	TD1	39	1	15	70	85	KH-THAC	Vietnamese
10	HÀ THAI QUỐC	RP3	99-300	2	15		71	KHI	Vietnamese
11	HÀ QUANG TRUNG	RP3	98	1	10	14	55	KHI	Vietnamese
12	NGUYỄN HỮU MẠNH	RP3	83	1	9		65	KHI	Vietnamese
13	PHẠM MẠNH TOÀN	RP3	92-93	2	12		68	KHI	Vietnamese
14	PHẠM TÂN MỸ	RP3	94-96	3	17		74	KHI	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN LUẬN	RP3	91	1	9		65	KHI	Vietnamese
16	HOÀNG HUY HIỆU	RP3	90	1	5		60	KHI	Vietnamese
17	MAI NGỌC CUÔNG	RP3	85	1	7	105	67	KHI	Vietnamese
18	DUƠNG VIỆT LINH	RP3	81-82	2	14	15	77	KHI	Vietnamese
19	NGUYỄN VĂN KHAI	RP3	84	1	11		54	KHI	Vietnamese
20	NGUYỄN NGỌC CUÔNG	RP3	89	1	8		71	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD1	9	12	124	723	70	1		tháo 2 ghế cho hàng
2	RP3	11	16	117	727	134	0		
TOTAL		20	28	241	1.450	204	1		
WEIGHT KG				241	1.450	204			

GRAND TOAL: 1.895 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 18/08/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 11:30
FLIGHT: 7	TO: CLI - PPD - P9	CREW: CHIÊN - XHOÀN - PTUÂN	ETA: 13:10
VANG-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	KRAMARENKO V.V.	CLI	57	1	5		66	NHOM AT	Russian
2	SABITOV A.A.	CLI					80	BAN VHTI	Russian
3	NGUYỄN CÔNG HIẾU	CLI	56	1	6		80	P. KTSX	Vietnamese
4	TRẦN ĐỨC QUANG	PPD	25	1	3	75	68	KHI	Vietnamese
5	OKOVANTSEV GENNADY	PPD	20	1	12		115	KHI	Russian
6	NGUYỄN VĂN NAM	PPD	16,06	2	12		77	KHI	Vietnamese
7	TRẦN SƠN TOÀN	PPD	22	1	5		70	KHI	Vietnamese
8	NGUYỄN ĐỨC LÂM	PPD	21	1	5		71	KHI	Vietnamese
9	NGÔ SỸ THANH	PPD	19	1	4		90	KHI	Vietnamese
10	ĐỖ VĂN TUÂN	PPD	18	1	6		68	KHI	Vietnamese
11	NGUYỄN THẾ HÙNG	PPD	24	1	2		69	KHI	Vietnamese
12	TRỊNH VĂN CUÔNG	PPD	14	1	7		68	KHI	Vietnamese
13	TRẦN SƠN NAM	PPD	15	1	5		86	KHI	Vietnamese
14	ĐẶNG PHÚC THẮNG	PPD	17	1	6		80	KHI	Vietnamese
15	NGUYỄN NGỌC KHUYẾN	PPD	23	1	3		70	KHI	Vietnamese
16	PHẠM QUANG HUY	PPD	13	1	10		105	XAYLAP	Vietnamese
17	HÀ XUÂN THANH	PPD	11-12	2	20		77	XAYLAP	Vietnamese
18	NGÔ TRUNG KIẾN	PPD	07-08	2	20		75	XAYLAP	Vietnamese
19	NGUYỄN MẠNH DŨNG	PPD	09-10	2	16		78	XAYLAP	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN SANG	P9	81-82	2	21		72	XAYLAP	Vietnamese
21	ĐỖ MẠNH HÙNG	P9	38,77	2	15	16	60	XAYLAP	Vietnamese
22	CAO MINH CUÔNG	P9	78-80	3	16		84	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CLI	3	2	11	226	0	0		
2	PPD	16	20	136	1.267	75	16		
3	P9	3	7	52	216	16	2		
TOTAL		22	29	199	1.709	91	18		
WEIGHT KG				199	1.709	91			

GRAND TOAL: 1.999 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 18/08/2022	TO: RP3 - GTC1	AIRCRAFT: 426	ETD: 11:35
FLIGHT: 8	FROM: VT	CREW: HUNG - VLinH - THU	ETA: 13:15
XANH-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÀNG ĐỨC TRI	RP3	03	1	10		62	KHI	Vietnamese
2	HỒ QUỐC NHẬT	RP3	32-33	2	10		74	KHI	Vietnamese
3	VU PHUONG HUY	RP3	40	1	10		65	KHI	Vietnamese
4	NGUYEN TIEN DUNG	RP3	38	1	7		68	KHI	Vietnamese
5	NGUYEN TIEN DUAN	RP3	44-46	3	18		70	KHI	Vietnamese
6	LÊ VĂN ĐAI	RP3	59-60	2	18	40	73	KHI	Vietnamese
7	PHẠM ĐÌNH HAI	RP3	53-54	2	18		85	KHI	Vietnamese
8	TRẦN TUẤN ANH	RP3	57-58	2	9		75	KHI	Vietnamese
9	NGUYEN XUAN DUNG	RP3	62-63	2	13		75	KHI	Vietnamese
10	PHẠM VĂN TỰ	RP3	55-56	2	10		70	KHI	Vietnamese
11	NGUYEN THANH LINH	RP3	51-52	2	10		65	KHI	Vietnamese
12	PHAN XUAN VU	RP3	47-48	2	12		70	KHI	Vietnamese
13	PHẠM VĂN THIẾT	RP3	49-50	2	13		65	KHI	Vietnamese
14	LÊ TÂN LỢI	RP3	61	1	8		58	KHI	Vietnamese
15	HOANG VAN TRIEN	RP3	43	1	10		65	KHI	Vietnamese
16	ĐẶNG VĂN QUANG	RP3	34-35	2	8		60	KHI	Vietnamese
17	NGUYEN CHI NGHIA	RP3	64-65	2	10		52	KHI	Vietnamese
18	NGUYEN NHU DUNG	RP3	66	1	7		63	KHI	Vietnamese
19	LÊ MẠNH HUNG	RP3	67	1	3		70	ANTOAN	Vietnamese
20	NGUYEN VĂN VY	RP3	41	1	5		70	PSV	Vietnamese
21	NGUYEN VĂN TRUNG	RP3	42	1	5		68	PSV	Vietnamese
22	NGUYEN CÔNG KHANH	RP3	39	1	10		85	DK9	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	22	35	224	1.508	40	2		
2	GTC1	0	0	0	0	42	2		
TOTAL		22	35	224	1.508	82	4		
WEIGHT KG				224	1.508	82			

GRAND TOAL: 1.814 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



